

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-PT

Ngày: 25 - 5 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Ông Vũ Duy Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Hải Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” do có kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DSST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Quỹ tín dụng nhân dân Th D

Địa chỉ: Thôn L Tr, xã D Ph, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh H – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn H – Giám đốc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Huy H – Luật sư văn phòng luật sư H và cộng sự, Đoàn luật sư Thái Bình

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D Ph, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình và anh Bùi Văn Th, sinh năm 1973; ĐKKHTT; Thôn Đ, xã D Ph, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Bùi Văn Th1, sinh năm 1933; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D Ph, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình

Người kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân Th D và chị Nguyễn Thị S

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, chị S, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vắng mặt ông Th1, anh Th)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Anh Bùi Văn Th (tức T) và chị Nguyễn Thị S là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân Th D. Ngày 31/8/2015 vợ chồng anh Th, chị S vay của Quỹ 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2015-1-01-666, anh Th là người đứng tên ký hợp đồng, chị S là người thừa kế, hợp đồng này có thời hạn 12 tháng, từ ngày 31/8/2015 đến 31/8/2016, lãi suất 0,97%/tháng, mục đích vay để làm nhà ở, nhưng bản chất là để trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà anh chị đã vay trước đó. Tháng 7/2016, lúc này anh Th đang đi làm ăn tại miền nam, chị S đề nghị vay vốn, thời điểm này hợp đồng 2015-1-01-666 sắp đến hạn. Ngày 16/7/2016, Quỹ tín dụng nhân dân Th D và đại diện hộ gia đình chị S, anh Th do chị S đứng tên ký hợp đồng tín dụng 2016-1-500, với số tiền vay là 630.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 10,56%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay, chị S và quỹ tín dụng đã ký Hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 6 thôn Đ, xã D Ph, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà số CS02062 ngày 26/5/2016 mang tên đồng sở hữu là anh Th, chị S. Chị S đã ký nhận 630.000.000 đồng nhưng tại thời điểm ký nhận chị S đã nộp luôn 330.000.000 đồng (trong đó có 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi) để tắt toán hợp đồng tín dụng số 2015-1-01-666 anh Th đã vay trước đó, số tiền còn lại 300.000.000 đồng chị S nhận tiền mặt. Quá trình thực hiện hợp đồng 2016-1-500, chị S đã trả được 20.727.200 đồng lãi, toàn bộ nợ gốc 630.000.000 đồng chưa trả. Tính đến ngày 20/12/2021, anh Th, chị S còn nợ theo Hợp đồng tín dụng 2016-1-500 gồm: nợ gốc 630.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 48.736.600 đồng; nợ lãi quá hạn 442.365.632 đồng; tổng cộng là 1.121.102.232 đồng. Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ anh Th, chị S còn trong thời kỳ hôn nhân, mục đích khoản vay để xây dựng nhà ở nên là khoản nợ chung nên yêu cầu anh Th, chị S cùng có trách nhiệm trả nợ. Trường hợp anh Th, chị S không trả được nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân Th D yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 6, thôn Đ, xã D Ph, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình để xử lý thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp lập ngày 06/7/2016 giữa hai bên.

Bị đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Năm 2008, khi làm nhà thì chị và anh Th có vay tiền Quỹ tín dụng nhân dân Th D nhưng chị đã đưa tiền cho anh Th trả đủ cho Quỹ tín dụng. Sau khoản vay năm 2008, một vài lần chị có nghe nói anh Th vay hộ một vài người nhưng chị cũng không quan tâm vì chị không ký, không làm thủ tục vay tiền cùng anh Th. Từ năm 2013, chị và anh Th phát sinh mâu thuẫn đến tháng 10/2015 anh Th không làm việc tại UBND xã Th D nữa mà đi vào miền nam sinh sống. Tháng 7/2016, chị cần 300.000.000 đồng để lo cho con gái lớn là cháu Bùi Thị Thu Tr đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên có đề nghị vay Quỹ tín dụng nhân dân Th D, khi đó chị mới biết được vào ngày 31/8/2015 anh Th đã vay của Quỹ tín dụng Th D số tiền 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2015-1-666. Chữ ký tên chị trong hợp đồng này đã được giám định không phải do chị ký và chị cũng không được sử dụng số tiền anh Th vay, chị không biết anh Th sử dụng tiền vay để làm gì. Tuy nhiên, để vay được số tiền 300.000.000 đồng thì cán bộ tín dụng nói chị phải vay thêm để trả toàn bộ nợ gốc và lãi hợp đồng tín dụng anh Th đã vay năm 2015 là 330.000.000 đồng, chị đồng ý. Tại thời điểm này, chị và anh Th đã mâu thuẫn sâu sắc, chị cũng không rõ anh Th làm gì, ở đâu nên cũng không báo cho anh Th biết về việc chị trả nợ cho anh Th và vay tiền cho con đi Nhật. Sau đó, Quỹ đã hướng dẫn chị lập hợp đồng vay số 2016-1-500 ngày 06/7/2016 và thế chấp nhà đất với nội dung như đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Th D đã trình bày. Theo hợp đồng này chị ký nhận số tiền vay là 630.000.000 đồng nhưng thực tế chị làm thủ tục tất toán cho Hợp đồng tín dụng anh Th đã vay gồm gốc 300.000.000 đồng và lãi 30.000.000 đồng, tổng là 330.000.000 đồng (ký nhận ngay mà không lấy tiền ra), còn lại 300.000.000 đồng chị nhận bằng tiền mặt. Quá trình thực hiện hợp đồng chị chưa trả gốc, 6 lần trả lãi, nợ gốc và lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm đúng như đại diện quỹ tín dụng trình bày. Về trách nhiệm trả nợ, tại phiên tòa sơ thẩm chị đề nghị xác định số tiền vay trong hợp đồng vay số 2016-1-500 ngày 06/7/2016 là nợ chung vì thời điểm chị vay, chị và anh Th vẫn trong quan hệ hôn nhân (tháng 9/2017 mới ly hôn) và vì trong khoản vay năm 2016 có cả phần chị đã trả nợ cho khoản vay của anh Th là 330.000.000 đồng; chị đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ gốc và lãi trên số tiền 300.000.000 đồng còn lại mặc dù trên thực tế chị vay số tiền này để lo cho con đi Nhật chứ không phải chi tiêu riêng cho chị. Hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn, chị không có nguồn khác để trả nợ cho Quỹ tín dụng chị đồng ý để Quỹ tín dụng xử lý tài sản nhà đất tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 06, thôn Đoài, xã D Ph, huyện Th Th đã được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số CS02062 ngày 26/5/2016 mang tên chị và anh Th để Quỹ thu hồi nợ.

Anh Bùi Văn Th trình bày: Năm 2015 anh có vay Quỹ tín dụng nhân dân Th D 300.000.000 đồng, mục đích vay là để nuôi con Bùi Thị Thu Tr học Đại học và xây nhà, chị S biết việc anh vay tiền. Hiện anh chưa trả Quỹ tín dụng tiền gốc, lãi theo Hợp đồng này, còn có ai trả cho anh số tiền này chưa anh không rõ. Tháng 9/2015 anh vào Bình Dương làm ăn nên anh không biết việc vào ngày 06/7/2016 chị S vay 630.000.000 đồng của Quỹ tín dụng, anh không biết chị S vay tiền để làm gì. Anh đề nghị giải quyết việc thế chấp quyền sử dụng đất đúng theo quy định. Đến ngày 27/7/2021 anh Th gửi đơn có nội dung xác định căn nhà mà chị S thế chấp để vay vốn là nhà của ông Bùi Văn Th1 bố đẻ anh; ông Th1 cũng là người nộp tiền sử dụng đất nhưng chị S lại làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh và chị S thế chấp cho Quỹ để vay vốn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Th1 trình bày: Ông là người nộp tiền để được sử dụng thửa đất số 282, tờ bản đồ số 6, thôn Đ, xã D Ph, huyện Th Th (có phiếu thu ngày 20/6/2000). Năm 2006 gia đình ông làm nhà, đến năm 2008 thì hoàn thiện ngôi nhà hai tầng nhưng cơ quan hành chính lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất cho anh Bùi Văn Th và chị Nguyễn Thị S để chị S dùng nhà đất thế chấp vay tiền quỹ tín dụng nên Quỹ tín dụng không có quyền xử lý tài sản thế chấp là nhà, đất mà chị S đã thế chấp. Tòa án đã giải thích về quyền khởi kiện liên quan đến quyền sử dụng nhà đất tại thửa đất 282, tờ bản đồ số 6, thôn Đ, xã D Ph, huyện Th Th, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí nhưng ông Th1 không yêu cầu, sau này ông sẽ khởi kiện bằng vụ án riêng nếu có yêu cầu.

Bản án số 11/2021/DS-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện ThTh, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 157; Điều 161; Điều 271; Điều 273; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35; Điều 37; Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 167; Điều 168 Luật đất đai; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Th D, buộc chị Nguyễn Thị S phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Th D toàn bộ nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2016-1-500 ngày 06/7/2016, tính đến ngày 20/12/2021 gồm: nợ gốc: 630.000.000 đồng; lãi trong hạn: 48.736.600 đồng; lãi quá hạn 442.365.632 đồng, tổng cộng là 1.121.102.232 đồng.

2. Anh Bùi Văn Th có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị S số tiền 165.000.000 đồng là phần nợ của anh mà chị S đã trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Th D.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân Th D về việc có

quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất 282, tờ bản đồ số 6, thôn Đoài, xã D Ph, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình để xử lý thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp lập ngày 06/7/2016. Quỹ tín dụng nhân dân Th D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02062 cho chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Văn Th.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/12/2021, đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Th D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho phép xử lý tài sản thế chấp. Ngày 07/01/2022 chị Nguyễn Thị S kháng cáo, cụ thể:

- Đề nghị Tòa án chấp nhận cho Quỹ tín dụng được phát mại nhà đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng anh Bùi Văn Th đã vay Quỹ tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 2015-1-666 giả chữ ký của chị để vay, anh Th vay làm gì chị không biết, do vậy đây là nợ riêng của anh Th, chị không nhất trí việc Tòa án tuyên chị cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền 330.000.000 đồng từ hợp đồng tín dụng 2015-1-666.

- Chị không đồng ý việc Tòa án buộc chị có trách nhiệm trả nợ số tiền 300.000.000 đồng chị vay cho con đi lao động Nhật Bản.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; chị Nguyễn Thị S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm cho rằng bà S ký hợp đồng thế chấp vi phạm Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình là không đúng, vì cả hai Hợp đồng tín dụng năm 2015 do ông Th vay cũng thế chấp tài sản là nhà đất, hợp đồng tín dụng năm 2016 do bà S ký vay cũng thế chấp tài sản là nhà đất; mục đích vay để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, đúng với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân & gia đình và khoản 1 Điều 103 Bộ luật dân sự. Quỹ tín dụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục cho vay theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng; về tài sản thế chấp thì có xác nhận của UBND xã về việc sử dụng đất của ông Th, bà S; hợp đồng thế chấp là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự thì nếu giao dịch dân sự có vi phạm về hình thức nhưng các bên đã thực hiện được 2/3 hợp đồng thì tiếp tục thực hiện, Quỹ tín dụng đã thực hiện 100% giá trị cho vay, bà S đã thực hiện việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó Hợp đồng thế chấp có hiệu lực. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều

309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của Quý tín dụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị S và anh Th cùng có trách nhiệm bồi thường cho Quý tín dụng số tiền 630.000.000 đồng gốc và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Quý tín dụng nhân dân Th D, chị Nguyễn Thị S làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Anh Bùi Văn Th, ông Bùi Văn Th1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người đại diện của nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp tài sản:

Ngày 06/7/2016 chị Nguyễn Thị S và Quý tín dụng ký hợp đồng tín dụng số 2016-1-500 vay số tiền 630.000.000 đồng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, giữa hai bên đã lập hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 6, thôn Đ, xã Th D (nay là xã D Ph), huyện Th Th, tỉnh Thái Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02062 ngày 26/5/2016 mang tên chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Văn Th. Hợp đồng này chỉ có chữ ký của chị S, không có chữ ký của anh Th.

Điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai quy định: *“Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp kinh doanh bất động sản quy định tại điểm b khoản này”*

Khoản 3 Điều 188 Luật đất đai quy định: *“Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất,*

góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính”

Theo quy định trên thì hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất phải được công chứng, chứng thực, tuy nhiên Hợp đồng thế chấp giữa chị S và Quỹ tín dụng không được công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 502 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai và cũng không được đăng ký thế chấp tại cơ quan đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai. Mặt khác, chỉ có một mình chị S ký Hợp đồng thế chấp là không đúng định của pháp luật, do đó Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Quỹ tín dụng và chị S là không hợp pháp. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng về việc có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa 282, tờ bản đồ số 6, thôn Đ, xã D Ph, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình và buộc Quỹ tín dụng trả lại cho anh Th, chị S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn chị Nguyễn Thị S.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị S:

- Hợp đồng tín dụng số 2016-1-500 ngày 06/7/2016 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích hợp đồng không trái pháp luật, các bên đều thừa nhận và thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng về mức vay, lãi suất... nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

- Về trách nhiệm trả nợ: Chị S xác nhận khi lập hợp đồng tín dụng 2016-1-500 anh Th không có mặt tại địa phương, chị không liên lạc được nên chị không nói với anh Th về khoản vay này, điều này phù hợp với lời khai của anh Th. Tuy nhiên, xuất phát từ mục đích vay số tiền 630.000.000 đồng, trong đó có 330.000.000 đồng để trả cho khoản nợ anh Th đã vay theo Hợp đồng tín dụng 2015-1-666 ngày 31/8/2015 mà theo Kết luận giám định thì chữ ký trong mục người thừa kế của Hợp đồng không phải là chữ ký của chị S và 300.000.000 đồng để lo cho con gái đi Nhật Bản, do đó, xác định mặc dù khi chị S vay khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng 2016-1-5 anh Th không biết nhưng một nửa của số tiền vay là để trả cho khoản nợ mà anh Th tự vay trước đó nên anh Th phải có trách nhiệm trả nợ cùng chị S đối với khoản vay 630.000.000 đồng cả gốc và lãi theo yêu cầu của Quỹ tín dụng. Bản án sơ thẩm căn cứ vào Đơn đề nghị lùi thời gian trả nợ của chị S ngày 17/10/2017 gửi Quỹ tín dụng có ghi “*vào ngày 31/8/2015 vợ chồng tôi vay của Quỹ tín dụng Th D số tiền 300.000.000 đồng*” cũng như việc xác định anh Th vay khoản nợ năm 2015 để đáo nợ các hợp đồng trước đó chứ thực tế không nhận tiền về, để xác định khoản vay của Hợp đồng tín dụng 2015-1-666 là nợ chung vợ chồng, khoản vay của Hợp đồng tín dụng 2016-1-500 là nợ

riêng của chị S, từ đó buộc chị S phải có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng 2016-1-500 cho Quỹ tín dụng và buộc anh Th có trách nhiệm trả cho chị S 165.000.000 đồng là không đảm bảo quyền lợi của chị S. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị S, buộc anh Th, chị S cùng phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng 2016-1-500 cho Quỹ tín dụng. Do hiện nay anh Th, chị S đã ly hôn, nên không buộc liên đới bồi thường mà cần chia kỷ phần cho từng người.

- Đối với yêu cầu của chị S cho rằng số tiền 300.000.000 đồng là để đầu tư cho con đi Nhật nên anh Th phải có trách nhiệm trả một nửa, thấy tại thời điểm vay khoản tiền 300.000.000 đồng cho con gái Bùi Thị Thu Tr đi Nhật thì cháu Tr đã trên 18 tuổi, anh Th không phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay này nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị S, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, chị S không phải chịu án phí phúc thẩm. Do sửa về số tiền các đương sự phải trả cho Quỹ tín dụng nên cần sửa án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân Th D, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị S, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DSST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

Áp dụng Điều 35; Điều 37; Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 167; Điều 168 Luật đất đai; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Th D, buộc anh Bùi Văn Th, chị Nguyễn Thị S phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Th D toàn bộ nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2016-1-500 ngày 06/7/2016, tính đến ngày 20/12/2021 gồm: nợ gốc: 630.000.000 đồng; lãi trong hạn: 48.736.600 đồng; lãi quá hạn 442.365.632 đồng, tổng cộng là 1.121.102.232 đồng. Trong đó kỷ phần của chị S là 560.551.000 đồng, kỷ phần của anh Th là 560.551.000 đồng (đã làm tròn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị S, anh Th còn phải tiếp

tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng thì lãi suất mà chị S, anh Th phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân Th D về việc có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất 282, tờ bản đồ số 6, thôn Đ, xã D Ph, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình để xử lý thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp lập ngày 06/7/2016. Buộc Quỹ tín dụng nhân dân Th D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02062 cho chị Nguyễn Thị S và anh Bùi Văn Th.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Quỹ tín dụng nhân dân Th D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng Quỹ tín dụng đã nộp tại Biên lai thu số 0004046 ngày 07/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th Th, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí. Chị Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại chị S 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp tại Biên lai thu số 0004047 ngày 07/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

Chị Nguyễn Thị S, anh Bùi Văn Th mỗi người phải chịu 28.025.550 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục Thi hành án nhân dân huyện Th Th;
- Các đương sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án

Lương Hải Yến